

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HNGĐ – ST.

Ngày: 09/5/2022.

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoài Bảo

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Đức Dũng.

2. Bà Lại Thị Thúy Hằng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Bích, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

- *Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Mỹ tham gia phiên tòa:* Ông Trần Văn Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 09/5/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 94/2021/LTST-HNGĐ ngày 22/3/2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/3/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 21/4/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà T T T T, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Tổ 2, ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông P H H, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Tổ 19, ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

(Bà Trinh vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Huân vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/3/2021, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn trình bày:

Bà và ông P H H trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai vào năm 2011. Đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã do các vấn đề về tiền bạc, cách dạy con,

vợ chồng không có tiếng nói chung. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà và ông H có 02 con chung là cháu P H Hu, sinh ngày 13/12/2011 và cháu P H G H, sinh ngày 18/3/2019. Khi ly hôn, bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, và không yêu cầu giải quyết.

- *Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải bị đơn trình bày:* Việc đăng ký kết hôn và mâu thuẫn như bà Trình trình bày. Tuy nhiên, ông không đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: ông đồng ý giao cháu P H G H, sinh ngày 18/3/2019 cho bà Trình nuôi dưỡng, ông sẽ nuôi cháu P H Hu, sinh ngày 13/12/2011, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu giải quyết

Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:

- Nguyên đơn nộp các tài liệu, chứng cứ gồm có: Giấy Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu (bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Giấy khai sinh con chung (bản sao); Đơn xin giải quyết vắng mặt; Bản tự khai, chứng cứ chứng minh điều kiện nuôi con.

- Bị đơn nộp các tài liệu, chứng cứ gồm có: Không.

- Các tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập được: Biên bản xác minh; Biên bản lấy lời khai đương sự, người làm chứng.

Và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã thực hiện đúng. Việc thu thập chứng cứ của Tòa án đầy đủ. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng, bị đơn không chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 và các Điều 85, 87, 89, 91, 92, 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Về quan hệ hôn nhân: Có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trình.

Về con chung: Giao con chung cho bà Trình trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông Huân không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: không xem xét, giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1, khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T T T T và ông P H H tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai vào năm 2011 theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Bà T trình bày vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã do các vấn đề về tiền bạc, cách dạy con, vợ chồng không có tiến nói chung, cho nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H. Ông H cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn, theo lời khai của bà P B là mẹ của bà T, cũng cho thấy vợ chồng bà T, ông H có mâu thuẫn. Từ đó xác định tình trạng hôn nhân giữa bà T, ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó có căn cứ để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[3] Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Bà T yêu cầu trực tiếp nuôi con chung là cháu P H Hu, sinh ngày 13/12/2011 và cháu P H G H, sinh ngày 18/3/2019 và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung, đây yêu cầu tự nguyện của bà Trinh. Ông H yêu cầu giao cháu P H G H cho bà T nuôi dưỡng, ông sẽ nuôi cháu P H Hu, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp các chứng cứ để chứng minh mình có đủ điều kiện để nuôi dưỡng hai con chung, cháu Hu cũng có nguyện vọng sống với bà Tr, ông H không cung cấp chứng cứ để chứng minh mình có đủ điều kiện nuôi con, ông Huân cũng vắng mặt không có lý do tại Phiên tòa, nên không có ý kiến trình bày để chứng minh cho yêu cầu của mình. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận yêu cầu này của bà Trinh.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trinh, ông Huân trình bày không có nợ chung và tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà T T T T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1, khoản 3, Điều 228; Điều 266; Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 9; 11; 12 của Luật Hôn nhân và gia đình 2000.

Căn cứ Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà T T T T. Bà T T T T được ly hôn ông P H H.

2. Về con chung: Giao cháu P H H, sinh ngày 13/12/2011 và cháu P H G H, sinh ngày 18/3/2019 cho bà T T T T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Ông P H H tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông P H H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà T T T T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T T T T đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0009232 ngày 18/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ. Bà T T T T đã nộp đủ tiền án phí.

5. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- Chi cục THADS H. Cẩm Mỹ;
- Các đương sự;
- UBND xã Bảo Hòa, huyện Xuân Lộc (GCNKH số:57/2011)
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Nguyễn Hoài Bảo